

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Dạng đầy đủ)  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
**QUÝ I NĂM 2010**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	Năm trước
1	2	3		
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1- Lợi nhuận trước thuế:	01		8,044,395,932	8,429,079,686
2- Điều chỉnh cho các khoản:			3,015,767,178	2,396,531,993
- Khấu hao tài sản cố định	02		2,317,129,343	2,120,932,072
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(110,396,672)	(50,829,000)
- Chi phí lãi vay	06		809,034,507	326,428,921
3- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		11,060,163,110	10,825,611,679
- Tăng giảm các khoản phải thu	09		(16,780,497,828)	(16,920,479,343)
- Tăng giảm hàng tồn kho	10		(4,385,326,425)	25,388,490,566
- Tăng giảm các khoản phải trả	11		5,366,505,552	10,341,112,498
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		96,078,291	336,992,218
- Tiền lãi vay đã trả	13		(809,034,507)	(326,428,921)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1,346,035,630)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	842,347,421
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(2,113,890,888)	(3,101,268,030)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(8,912,038,325)	27,386,378,088
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		(2,233,483,413)	(2,665,772,518)
2- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22		111,500,000	-
3- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(310,000,000)	-
5- Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		-	-
6- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		-	-
7- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	50,829,000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2,431,983,413)	(2,614,943,518)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1- Tiền thu phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu, bán cổ phiếu quỹ	31		-	-
2- Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		35,917,939,202	17,132,728,433
4- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(28,966,282,038)	(18,780,241,336)
6- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(8,865,021,000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1,913,363,836)	(1,647,512,903)
Lưu chuyển tiền thuần trong kì	50		(13,257,385,574)	23,123,921,667
Tiền và tương đương tiền tồn đầu kì	60		26,687,436,599	18,482,415,921
Anh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1,361,168,850)	-
Tiền và tương đương tiền tồn cuối kì	70		12,068,882,175	41,606,337,588

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Trần Thị Mỹ Hạnh



Nguyễn Minh Hằng



Tổng giám đốc

Nguyễn Ân